

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

L, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật”
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - L**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Tòng Thị Tuyết

Thư ký phiên họp: bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 -

L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - L tham gia phiên họp: Ông Tăng Bá Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - L mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2025/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc “*Hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2025/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lò Văn Kh, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Bản Chăn N, xã Khun H, tỉnh L. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Khun H, tỉnh L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huy Chính. Chức vụ: Chủ tịch UBND.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Trọng Thi. Chức vụ: Phó chủ tịch UBND (*Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2025*). (Vắng mặt)

2. Anh Lò văn B, sinh ngày 05/8/1990.

Địa chỉ nơi cư trú: Bản Chăn N, xã Khun H, tỉnh L. (Vắng mặt).

2. Chị Tao Thị S, sinh ngày 10/10/1993.

Địa chỉ nơi cư trú: Bản Chăn N, xã Khun H, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai trong quá trình giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là ông Lò Văn Kh trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Lò Văn B. Ngày 10/01/2011 con trai ông là Lò Văn B đăng ký kết hôn với con dâu ông là Tao Thị S tại Ủy ban nhân dân xã Bản H1, huyện Tam Đ, tỉnh L (nay là xã Khun H, tỉnh L) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 01, quyển số 01/2011 trên cơ sở hai bên tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống, hai vợ chồng Lò Văn B và Tao Thị S chung sống hạnh phúc và có 03 con chung, nhưng cháu thứ ba không đăng ký khai sinh được do phát hiện tại thời điểm kết hôn con dâu ông là Tao Thị S đã khai sinh năm 1993 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn (thực tế con dâu ông sinh năm 1995). Ông nhận thấy, do thiếu hiểu biết pháp luật nên con dâu ông đăng ký kết hôn khi chưa đủ tuổi là vi phạm

pháp luật nên ông đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa con trai ông là Lò Văn B và con dâu ông là Tao Thị S theo giấy chứng nhận kết hôn số: 01, quyển số 01/2011 ngày 10/01/2011, đồng thời công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp cho các con của ông kể từ thời điểm con dâu ông là Tao Thị S đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số: 823/UBND – VP ngày 09/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Khun H trả lời:

Qua rà soát trong sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Bản H1, huyện Tam Đ, tỉnh L (nay là UBND xã Khun H, tỉnh L) tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của công dân Lò Văn B và Tao Thị S tại số đăng ký 01 ngày 10/01/2011, quyển số 01/2011 với các thông tin sau:

Theo giấy chứng nhận kết hôn của anh Lò Văn B (sinh ngày 05/8/1990) và chị Tao Thị S (sinh ngày 10/10/1993).

Thông tin công dân Lò Văn B và Tao Thị S đã cung cấp cho Tòa án nhân dân khu vực 1 - L không khớp với thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, cụ thể công dân khai nhận đã khai tăng tuổi để đủ tuổi đăng ký kết hôn vào thời điểm ngày 10/01/2011 và nhất trí tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn B và chị Tao Thị S đều trình bày:

Anh Lò Văn B và chị Tao Thị S đăng ký kết hôn ngày 10/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bản H1, huyện Tam Đ, tỉnh L (nay là UBND xã Khun H, tỉnh L) trên cơ sở tự nguyện. Thời điểm đăng ký kết hôn chị Tao Thị S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng đã tự khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị có 03 con chung, tên là Lò Thái D, sinh ngày 09/6/2012, Lò Thị Huyền Tr sinh ngày 17/3/2019 và con thứ ba chưa đặt tên do chưa làm được giấy khai sinh. Hiện nay anh chị vẫn chung sống hạnh phúc và mong muốn được công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm chị Tao Thị S đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – L phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 367; 369, Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn Kh và các đương sự liên quan trong vụ việc. Đề xuất giải quyết về nội dung việc dân sự sơ thẩm như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn Kh về việc: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn B và chị Tao Thị S theo Giấy chứng nhận kết hôn số theo giấy chứng nhận số 01, quyền số 01/2011, ngày 10/01/2011 của UBND xã Bản H1, huyện Tam Đ, tỉnh L (nay xã Khun H, tỉnh L) và chấp nhận đề nghị của anh Lò Văn B và chị Tao Thị S về việc công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị S đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, kể từ ngày 11/10/2012.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lò Văn Kh không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- L tại phiên họp, Tòa án nhân khu vực 1- L nhận định như sau:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Đây là yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, do việc đăng ký kết hôn cho anh Lò Văn B và chị Tao Thị S được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Bản H1, huyện Tam Đ, tỉnh L nay là Ủy ban nhân dân xã Khun H, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - L theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Chị Tao Thị S và anh Lò Văn B có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/01/2011 tại UBND xã Bản H1, huyện Tam Đ (nay là xã Khun H, tỉnh L) trên cơ sở tự nguyện. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01/2011, ngày 10/01/2011 của UBND xã Bản H1, huyện Tam Đ, tỉnh L ghi chị Tao Thị S sinh ngày 10/10/1993. Đối chiếu với Giấy khai sinh, căn cước công dân, của chị Tao Thị S xác định được chị Tao Thị S sinh ngày 10/10/1995, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị S mới 15 tuổi 03 tháng nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều luật quy định điều kiện đăng ký kết hôn: *“Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên”*. Anh B và chị S vi phạm điều kiện đăng ký kết hôn. Nhận thức được điều đó nên đến nay anh B, chị S đều nhất trí việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Lò Văn Kh và Ủy ban nhân dân xã Khun H, tỉnh L. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn Kh và Ủy ban nhân dân xã Khun H, tỉnh L về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh B và chị S.

Đến thời điểm hiện tại, chị S đã đủ tuổi kết hôn. Anh B và chị S chung sống hạnh phúc, cùng mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh chị từ thời điểm chị S đủ tuổi đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh B và chị S kể từ thời điểm chị S đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định là ngày 11/10/2012.

[3] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã Khun H, tỉnh L thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lò Văn B sinh ngày 05/8/1990 và chị Tao Thị S sinh ngày 10/10/1995 kể từ ngày 11/10/2012 theo quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Lò Văn Kh không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định tại Điều 372 và Điều 373 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - L đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ việc dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ việc, vì vậy cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149; Điều 361; Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lò Văn Kh. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn B và chị Tao Thị S theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2011, ngày 10/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bản H1, huyện Tam Đ, tỉnh L (nay là xã Khun H, tỉnh L).

Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lò Văn B sinh ngày 05/8/1990 và chị Tao Thị S sinh ngày 10/10/1995 kể từ ngày 11/10/2012.

[2]. Kiến nghị: Kiến nghị UBND xã Khun H, tỉnh L thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn

nhân hợp pháp giữa anh Lò Văn B sinh ngày 05/8/1990 và chị Tao Thị S sinh ngày 10/10/1995 kể từ ngày 11/10/2012 theo quy định tại của pháp luật.

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lò Văn Kh không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND khu vực 1 - L;
- UBND xã Khun H, tỉnh L.
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Tòng Thị Tuyền

